TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ NGÃ NĂM** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST.
Ngày: 17/02/2021.
"V/v tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM, TỈNH SÓC TRĂNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Quang Nhuận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Huỳnh Văn Lơ

2/. Bà Phan Ngọc Giàu.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Nguyễn Minh Tân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Ông Trương Minh Diền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 02 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 200/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn".

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn*:* Chị Trương Thị Bích T, sinh năm 1990 (có yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp ...., xã LH, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Anh Võ Minh L, sinh năm 1984 (vắng mặt).

Địa chỉ: khóm TQ, phường ..., thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện lập ngày 08/11/2020, trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Trương Thị Bích T trình bày:**

Vào ngày 15/10/2009 chị và anh Võ Minh L có đăng ký kết hôn với nhau và được cấp giấy chứng nhận kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Chị và anh L chung sống với nhau chưa có con chung. Trong quá trình

chung sống anh, chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách, hai người đã sống ly thân từ 2011 cho đến nay. Nay chị nhận thấy giữa hai người đã không còn tình cảm vợ chồng, mâu thuẫn không thể hàn gắn, vì vậy chị khởi kiện yêu cầu:

Về hôn nhân: chị yêu cầu ly hôn với anh Võ Minh L.

Về con chung: không có, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu giải quyết.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: không yêu cầu giải quyết.

Đối với bị đơn anh Võ Minh L: Khi thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng đã thông báo hợp lệ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bích T cho anh L, nhưng anh không cung cấp cho Tòa án văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị T.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự chấp hành tốt nội quy phiên tòa và quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51 và 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trương Thị Bích T được ly hôn với anh Võ Minh L, về con chung không có nên không xem xét giải quyết, về tài sản chung, nợ chung và trợ cấp sau khi ly hôn các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng tại phiên tòa:

Bị đơn anh Võ Minh L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng anh L vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định xét xử vắng mặt bị đơn anh Võ Minh L.

[2]. Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị Bích T và anh Võ Minh L tự nguyện kết hôn với nhau, tại thời điểm đăng ký kết hôn chị T và anh L đã đủ điều kiện kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/10/2009, do vậy hôn nhân của anh, chị là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình

chung sống anh, chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong lối sống, không hợp nhau về tính cách và hai người đã ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Phía chị T nhận thấy vợ chồng đã không còn tình cảm, hai bên không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân nên đã khởi kiện xin ly hôn. Tòa án đã tiến hành động viên, hòa giải các bên khắc phục mâu thuẫn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng, nhưng anh L không hợp tác và phía chị T vẫn cương quyết giữ nguyên quyết định xin ly hôn.

Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của chị T và anh L đã không còn, mâu thuẫn giữa các bên không thể khắc phục, cuộc sống của anh, chị đã không mang lại hạnh phúc. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T, được ly hôn với anh L để tạo điều kiện cho mỗi người tạo dựng cuộc sống mới.

[3]. Về con chung: Chị Trương Thị Bích T và anh Võ Minh L chung sống với nhau không có con chung.

[4]. Về phân chia tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn:

Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Đề nghị của vị Kiểm sát viên về hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong vụ án và đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 của Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị Bích T được ly hôn với anh Võ Minh L.

2/ Về con chung: Chị Trương Thị Bích T và anh Võ Minh L không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3/ Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Trương Thị Bích T phải chịu án phí hôn nhân 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị T đã nộp 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0006880 ngày 08/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

5/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND thị xã Ngã Năm;
- Chi cục THADS thị xã Ngã Năm;
- Phòng NVKT-THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Lạc Hòa, thị xã Vĩnh Châu;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Quang Nhuận